

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Du lịch tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4603/QĐ-BVHTTDL ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Du lịch tại Tờ trình số 05/TTr-SDL ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Du lịch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Du lịch tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các sở, ban ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn căn cứ vào Quyết định này vào Website Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Kiên Giang tại địa chỉ: <http://Botthc.kiengiang.gov.vn> tải Danh mục và nội dung chi tiết thủ tục hành chính để niêm yết công khai và thực hiện đúng quy định.



Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

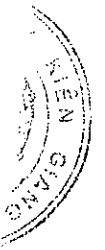
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Website Kiên Giang;
- Đăng Công báo;
- LĐVP, Phòng KSTTHC;
- Lưu: VT, vvtu.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Minh Phụng





**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC DU LỊCH THUỘC
THAM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ DU LỊCH ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|----------------------------|--|--|---|----------------------|--|
| I. Lĩnh vực Du lịch | | | | | |
| 01 | Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh | <ul style="list-style-type: none">- 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh.- 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh.- Đối với khu du lịch nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên, Sở Du lịch lập hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập hội đồng thẩm định, quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh. | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Du lịch | Không quy định | <ul style="list-style-type: none">- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017.- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. |

II. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC DU LỊCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ DU LỊCH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. Lĩnh vực du lịch

1. Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh:

*** Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức quản lý khu du lịch nộp 01 bộ hồ sơ đến Sở Du lịch nơi có khu du lịch;

- Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với khu du lịch nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên, Sở Du lịch lập hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập hội đồng thẩm định, quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh.

*** Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Du lịch.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh (Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017);

(2) Bản thuyết minh về điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

*** Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

*** Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.



- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Du lịch.

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công nhận khu du lịch.

* **Phí, lệ phí:** Không quy định

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh (Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017);

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1) Có ít nhất 01 tài nguyên du lịch cấp tỉnh; có ranh giới xác định trên bản đồ địa hình do cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Tỷ lệ bản đồ phụ thuộc vào yêu cầu quản lý và địa hình khu vực.

(2) Có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ đáp ứng nhu cầu lưu trú, ăn uống và các nhu cầu khác của khách du lịch, bao gồm:

a) Có hệ thống điện lưới, hệ thống cung cấp nước sạch;

b) Có cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, đáp ứng tối thiểu 100.000 lượt khách mỗi năm; hệ thống cơ sở lưu trú du lịch đáp ứng tối thiểu 50.000 lượt khách lưu trú mỗi năm;

c) Có nội quy, hệ thống biển chỉ dẫn, thuyết minh về khu du lịch; có hệ thống biển chỉ dẫn, biển báo về giao thông, các cơ sở dịch vụ, các điểm tham quan;

d) Cung cấp dịch vụ thuyết minh, hướng dẫn du lịch.

(3) Có kết nối với hệ thống hạ tầng giao thông, viễn thông quốc gia.

(4) Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, bao gồm:

a) Có bộ phận bảo vệ, cứu hộ, cứu nạn;

b) Công khai số điện thoại, địa chỉ của tổ chức quản lý khu du lịch;

c) Có bộ phận thông tin hỗ trợ khách du lịch; có hình thức tiếp nhận và giải quyết kịp thời phản ánh, kiến nghị của khách du lịch;

d) Nhà vệ sinh công cộng sạch sẽ, được thông gió và đủ ánh sáng, được bố trí đủ, tương ứng với số lượng khách du lịch vào thời kỳ cao điểm;

đ) Có hệ thống thu gom và biện pháp xử lý rác thải; có hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt hoặc hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt liên thông với hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; bố trí nhân lực làm vệ sinh môi trường;

e) Áp dụng các biện pháp phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực từ ngày 01/01/2018;

- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch, có hiệu lực từ ngày 01/01/2018;

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch, có hiệu lực từ ngày 01/02/2018;

- Căn cứ Quyết định số 4603/QĐ-BVHTTDL ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng... ..năm... ..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
KHU DU LỊCH CẤP TỈNH

Kính gửi: Sở Du lịch tỉnh Kiên Giang.

- Tên cơ quan, tổ chức quản lý khu du lịch:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... Fax:.....
- Email:.....
- Website (nếu có):.....

Căn cứ Luật Du lịch và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Du lịch, chúng tôi thấy(tên khu du lịch) đã đáp ứng đủ điều kiện để được công nhận là khu du lịch cấp tỉnh. Kính đề nghị Sở Du lịch tỉnh Kiên Giang thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang công nhận khu du lịch cho....(tên khu du lịch)... là khu du lịch cấp tỉnh.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
(Chức vụ, quyền hạn)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

| | | |
|----------------------------------|---|-------------------------------|
| SỞ DU LỊCH KIÊN GIANG | QUY TRÌNH Công nhận khu du lịch cấp tỉnh | Mã hiệu: QT - 26/QLDL |
| | | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành:/..../2019 |

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CÂN LƯU

| | | |
|----------------------------------|---|-----------------------------------|
| SỞ DU LỊCH KIÊN GIANG | QUY TRÌNH Công nhận khu du lịch cấp tỉnh | Mã hiệu: QT - 26/QLDL |
| | | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành:/....../2019 |

| Trách nhiệm | Soạn thảo | Xem xét | Phê duyệt |
|-------------|-------------|--------------|--------------|
| Họ tên | | | |
| Chữ ký | | | |
| Chức vụ | Chuyên viên | Trưởng phòng | Phó Giám đốc |

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

| Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung | Trang / Phần liên quan việc sửa đổi | Mô tả nội dung sửa đổi | Lần ban hành / Lần sửa đổi | Ngày ban hành |
|--------------------------|-------------------------------------|------------------------|----------------------------|---------------|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

| | | |
|----------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------|
| SỞ DU LỊCH KIÊN GIANG | QUY TRÌNH | Mã hiệu: QT – 26/QLDL |
| | Công nhận khu du lịch cấp tỉnh | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành: .../.../2019 |

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

1. MỤC ĐÍCH

Quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận và xử lý hồ sơ công nhận Khu du lịch cấp tỉnh.

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với hoạt động công nhận Khu du lịch cấp tỉnh.

Cán bộ, công chức thuộc phòng Quản lý Du lịch, các phòng ban/cơ quan liên quan thuộc Sở Du lịch chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm soát quy trình này

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
- Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.8

4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

- UBND: Ủy ban nhân dân
- TTHC: Thủ tục hành chính
- TN&TKQ: Tiếp nhận và trả kết quả
- TCCD: Tổ chức/công dân
- QL DL: Quản lý Du lịch

| | | |
|----------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------|
| SỞ DU LỊCH KIÊN GIANG | QUY TRÌNH | Mã hiệu: QT - 26/QLDL |
| | Công nhận khu du lịch cấp tỉnh | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành:/....../2019 |

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

| | |
|------------|--|
| 5.1 | Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính |
| | <p>(1) Có ít nhất 01 tài nguyên du lịch cấp tỉnh; có ranh giới xác định trên bản đồ địa hình do cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Tỷ lệ bản đồ phụ thuộc vào yêu cầu quản lý và địa hình khu vực.</p> <p>(2) Có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ đáp ứng nhu cầu lưu trú, ăn uống và các nhu cầu khác của khách du lịch, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có hệ thống điện lưới, hệ thống cung cấp nước sạch; b) Có cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, đáp ứng tối thiểu 100.000 lượt khách mỗi năm; hệ thống cơ sở lưu trú du lịch đáp ứng tối thiểu 50.000 lượt khách lưu trú mỗi năm; c) Có nội quy, hệ thống biển chỉ dẫn, thuyết minh về khu du lịch; có hệ thống biển chỉ dẫn, biển báo về giao thông, các cơ sở dịch vụ, các điểm tham quan; d) Cung cấp dịch vụ thuyết minh, hướng dẫn du lịch. <p>(3) Có kết nối với hệ thống hạ tầng giao thông, viễn thông quốc gia.</p> <p>(4) Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có bộ phận bảo vệ, cứu hộ, cứu nạn; b) Công khai số điện thoại, địa chỉ của tổ chức quản lý khu du lịch; c) Có bộ phận thông tin hỗ trợ khách du lịch; có hình thức tiếp nhận và giải quyết kịp thời phản ánh, kiến nghị của khách du lịch; d) Nhà vệ sinh công cộng sạch sẽ, được thông gió và đủ ánh sáng, được bố trí đủ, tương ứng với số lượng khách du lịch vào thời kỳ cao điểm; e) Có hệ thống thu gom và biện pháp xử lý rác thải; có hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt hoặc hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt liên thông với hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; bố trí nhân lực làm vệ sinh môi trường; f) Áp dụng các biện pháp phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật |

| | | |
|----------------------------------|---|----------------------------------|
| SỞ DU LỊCH KIÊN GIANG | QUY TRÌNH Công nhận khu du lịch cấp tỉnh | Mã hiệu: QT - 26/QLDL |
| | | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành:/...../2019 |

| | | | | |
|------------|--|--|--|--|
| 5.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao | |
| | Đơn đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh (theo mẫu) | X | | |
| | Bản thuyết minh về điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh | X | | |
| 5.3 | Số lượng hồ sơ | | | |
| | 01 bộ | | | |
| 5.4 | Thời gian xử lý | | | |
| | - 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | | | |
| 5.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả | | | |
| | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Du lịch. | | | |
| 5.6 | Lệ phí | | | |
| | - Không quy định. | | | |
| 5.7 | Quy trình xử lý công việc | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| B1 | Tiếp nhận, kiểm tra đầu mục hồ sơ: + Nếu hồ sơ không hợp lệ, hướng dẫn tổ chức hoàn thiện theo quy định | Tổ chức; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả | Chậm nhất sau ½ ngày sau khi tiếp nhận | Thành phần hồ sơ theo mục 5.2 Số theo dõi tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả (mẫu |

| | | |
|----------------------------------|---|-------------------------------|
| SỞ DU LỊCH KIÊN GIANG | QUY TRÌNH Công nhận khu du lịch cấp tỉnh | Mã hiệu: QT - 26/QLDL |
| | | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành:/..../2019 |

| | | | | |
|----|---|----------------------|-----------------------------|--|
| | + Nếu hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ ghi giấy biên nhận hẹn trả kết quả. Thu phí (nếu có). Chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn thẩm định | | hồ sơ và ghi giấy biên nhận | 02), Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (mẫu 03) |
| B2 | Thẩm định hồ sơ: Cán bộ thụ lý hồ sơ căn cứ các văn bản pháp quy, quy định, hướng dẫn...tiến hành thẩm định: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện /hồ sơ cần giải trình và bổ sung. Cán bộ thụ lý thông báo cho tổ chức biết để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do. - Trường hợp đạt yêu cầu tiến hành bước tiếp theo. | Cán bộ thụ lý hồ sơ | 03 ngày | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (mẫu 04) |
| B3 | Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét | Cán bộ thụ lý hồ sơ | 07 ngày | Hồ sơ trình Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (mẫu 04) |
| B4 | Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ, ký xác nhận hồ sơ trình lãnh đạo Sở | Lãnh đạo phòng QL DL | 30 ngày | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (mẫu |

| | | |
|----------------------------------|---|-----------------------------------|
| SỞ DU LỊCH KIÊN GIANG | QUY TRÌNH Công nhận khu du lịch cấp tỉnh | Mã hiệu: QT – 26/QLDL |
| | | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành:/....../2019 |

| | | | | |
|------------|---|--------------------|----------|---|
| | xem xét (trường hợp hồ sơ không hợp lệ yêu cầu cán bộ xử lý – nêu rõ lý do) tiến hành thẩm định trên thực tế | | | 04) |
| B5 | Lãnh đạo Sở xem xét ký văn bản trình UBND tỉnh | Lãnh đạo Sở | 3,5 ngày | Tờ trình |
| B6 | Chờ kết quả của Ủy ban nhân dân tỉnh | Lãnh đạo UBND tỉnh | 15 ngày | Quyết định hoặc Văn bản trả lời |
| B7 | Tiếp nhận kết quả từ UBND tỉnh. Bàn giao kết quả về Bộ phận TN&TKQ. Lưu hồ sơ theo dõi | Phòng QL DL | 01 ngày | Quyết định hoặc Văn bản trả lời |
| B8 | Trả kết quả giải quyết và lưu kết quả vào sổ theo dõi. | Bộ phận TN&TKQ | | Sổ theo dõi tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả (mẫu 02) |
| 5.8 | Cơ sở pháp lý | | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 06 năm 2017, có hiệu lực từ ngày 01/01/2018; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch, có hiệu lực từ ngày 01/01/2018; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch, có hiệu lực từ ngày 01/02/2018; - Căn cứ Quyết định số 4603/QĐ-BVHTTDL ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | | | |

| | | |
|----------------------------------|---|-----------------------------|
| SỞ DU LỊCH KIÊN GIANG | QUY TRÌNH Công nhận khu du lịch cấp tỉnh | Mã hiệu: QT – 26/QLDL |
| | | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành: .../.../2019 |

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

6. BIỂU MẪU

| TT | Tên Biểu mẫu |
|----|---|
| 1. | Đơn đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh (Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017); |

7. HỒ SƠ LƯU: Hồ sơ lưu bao gồm các thành phần sau

| TT | Hồ sơ lưu (bản chính hoặc bản sao theo quy định) |
|---|---|
| 1. | Thành phần hồ sơ cần nộp theo mục 5.2 |
| 2. | Kết quả giải quyết thủ tục hành chính Các hồ sơ khác phát sinh trong quá trình thực hiện |
| Hồ sơ được lưu tại Phòng QL DL và lưu trữ theo quy định | |